

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 123/2023/DS-ST
Ngày: 14-9-2023
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG – TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thơm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Viết Phúc.

Bà Phan Thị Thảo Sương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Tuấn Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Thoa – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 72/2023/TLST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2023 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2023/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 77/2023/QĐST-DS ngày 24 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng B.

Địa chỉ: Toà nhà L, số 210 đường T, phường T, quận H, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức T – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Trần Văn C – Giám đốc chi nhánh Tiền Giang.

(Theo Quyết định về việc uỷ quyền thực hiện các công việc liên quan đến công tác xử lý, thu hồi nợ số 14/2023/QĐ-CTHĐQT ngày 27/4/2023).

Đại diện theo uỷ quyền lại:

+ Ông Trần Phạm Tuấn V – Chuyên viên xử lý nợ (Vắng mặt).

+ Ông Nguyễn Tấn T – Chuyên viên xử lý nợ (Có mặt).

Địa chỉ: Số 12C N, Phường A, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

(Theo Giấy ủy quyền ngày 16/4/2023).

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1965 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp G, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn Ngân hàng B có người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Trong năm 2021 và năm 2022, bà Nguyễn Thị P đã ký kết với Ngân hàng B (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng) 03 hợp đồng tín dụng để thỏa thuận vay vốn, cụ thể như sau:

Hợp đồng tín dụng số HDTD50B202120 ngày 01/3/2021, số tiền vay 300.000.000 đồng; mục đích vay tiêu dùng mua sắm; thời hạn vay 60 tháng, hạn trả cuối cùng vào ngày 02/3/2026; lãi suất vay 12%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn (lãi suất này được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần theo quy định của ngân hàng); hình thức thanh toán trả gốc trong 10 kỳ, mỗi kỳ tương ứng 06 tháng, số tiền nợ gốc phải trả mỗi kỳ là 30.000.000 đồng, kỳ trả đầu nợ gốc tiên vào ngày 10/9/2021; trả lãi chia làm 20 kỳ, mỗi kỳ tương ứng 03 tháng, lãi trả vào ngày 10 theo dư nợ thực tế, kỳ trả lãi đầu tiên vào ngày 10/6/2021.

Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HDTD50B2021130 ngày 29/9/2021, số tiền vay 30.000.000 đồng; mục đích vay tiêu dùng mua sắm; thời hạn vay 12 tháng, hạn trả cuối cùng vào ngày 29/9/2022; lãi suất vay 12%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn (lãi suất này được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần theo quy định của ngân hàng); hình thức thanh toán trả gốc vào cuối kỳ ngày 29/9/2022, lãi trả hàng tháng theo dư nợ thực tế, ngày trả nợ đầu tiên 10/11/2021, ngày trả nợ cuối cùng ngày 29/9/2022.

Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HDTD50B202235 ngày 14/4/2022, số tiền vay 30.000.000 đồng; mục đích vay mua sắm trang thiết bị, nội thất gia đình; thời hạn vay 12 tháng, hạn trả cuối cùng vào ngày 14/4/2023; lãi suất vay 12%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn (lãi suất này được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần theo quy định của ngân hàng); hình thức thanh toán trả gốc vào cuối kỳ ngày 14/4/2023, lãi trả hàng tháng theo dư nợ thực tế, ngày trả nợ đầu tiên 10/5/2022, ngày trả nợ cuối cùng ngày 14/4/2023.

Ngân hàng đã tiến hành giải ngân cho bà P số tiền 300.000.000 đồng vào ngày 02/3/2021, 30.000.000 đồng vào ngày 29/9/2021, 30.000.000 đồng vào ngày 14/4/2022 thông qua Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 50B202120/01, Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HDTD50B2021130, Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HDTD50B202235.

Để bảo đảm cho các hợp đồng tín dụng nêu trên, bà P đã thế chấp quyền sử

dụng đất đối với thửa đất số 642, tờ bản đồ số PDC2, diện tích 5.509m², đất trồng lúa, đất tại ấp G, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS02459 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 28/01/2021 cho bà Nguyễn Thị P. Việc thế chấp được thực hiện thông qua Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HĐTC50B202114 ký ngày 01/3/2021 (bao gồm cả hợp đồng tín dụng ngày 02/3/2021 và các hợp đồng tín dụng khác được xác lập từ thời điểm ký hợp đồng thế chấp đến ngày 31/12/2026). Hợp đồng thế chấp này được đăng ký thế chấp ngày 02/3/2021 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng: Đối với Hợp đồng tín dụng số HDTD50B202120 bà P chỉ thực hiện thanh toán được 02 kỳ nợ gốc với số tiền 60.000.000 đồng và 05 kỳ tiền lãi đến ngày 10/6/2022 với số tiền lãi 45.305.342 đồng; Đối với Hợp đồng tín dụng số HDTD50B2021130 bà P chưa thanh toán nợ gốc, chỉ thanh toán được 10 kỳ tiền lãi đến ngày 10/8/2022 với số tiền 3.106.846 đồng; Đối với Hợp đồng tín dụng số HDTD50B202235 bà P chưa thanh toán nợ gốc, chỉ thanh toán được 04 kỳ tiền lãi đến ngày 10/8/2022 với số tiền 1.182.697 đồng. Tổng số tiền gốc bà P đã thanh toán là 60.000.000 đồng và tiền lãi là 49.594.885 đồng.

Bà P không thực hiện đúng theo cam kết tại hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng. Ngân hàng đã nhiều lần gửi thông báo nợ quá hạn và làm việc với bà P nhưng không có kết quả. Do đó, Ngân hàng khởi kiện với 02 nội dung:

Yêu cầu bà P thanh toán toàn bộ số tiền vốn gốc, lãi vay theo 03 Hợp đồng tín dụng với tổng số tiền phải trả đến ngày 31/3/2023 là 351.632.000 đồng. Trong đó vốn gốc là 300.000.000 đồng, lãi vay tạm tính là 51.632.000 đồng và phần lãi phát sinh sau ngày 10/6/2022 sẽ tính theo lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn và tính cho đến khi bên vay thanh toán hết nợ cho ngân hàng. Thực hiện một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bà P không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng khi đến hạn thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 642 nêu trên để thu hồi nợ vay cho Ngân hàng.

Ngoài ra, Ngân hàng không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn bà Nguyễn Thị P vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng dù đã được triệu tập hợp lệ, chưa gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa: Ông V vắng mặt, ông T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đồng thời xác định tiền lãi của 03 hợp đồng tín dụng tính đến ngày 14/9/2023 là 82.036.000 đồng. Bị đơn bà P vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông phát biểu về việc tuân theo tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự thực hiện đúng trình tự, quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng B buộc bà P trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi theo thoả thuận trong hợp đồng tín dụng hai bên đã ký kết, đồng thời trong trường hợp bà P không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng thì Ngân hàng được quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất đối với thửa đất 642 theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, một trong hai người đại diện của Ngân hàng là ông V vắng mặt, đồng thời bị đơn bà P dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông V, bà P.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng B

[3.1] Về nghĩa vụ thanh toán: Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị P phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số nợ của 03 Hợp đồng tín dụng, trong đó nợ gốc là 300.000.000 đồng và nợ lãi tạm tính đến ngày 14/9/2023 là 82.036.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, Ngân hàng đã giao nộp bản sao các tài liệu, chứng cứ là Hợp đồng tín dụng số HDTD50B202120 ngày 01/3/2021, Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HDTD50B2021130 ngày 29/9/2021, Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HDTD50B202235 ngày 14/4/2022, Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 02/3/2021, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HĐTC50B202114 ngày 01/3/2021. Các tài liệu này cho thấy bà Nguyễn Thị P đã ký kết 03 hợp đồng tín dụng với Ngân hàng B lần lượt vào các ngày 01/3/2021, ngày 29/9/2021 và ngày 14/4/2022 với các nội dung đúng với lời trình bày của Ngân hàng, cả 03 hợp đồng này được bảo đảm bằng biện pháp thế chấp quyền sử dụng đất, đồng thời Ngân hàng đã giải ngân toàn bộ số tiền 360.000.000 đồng cho bà P. Hội đồng xét xử xác định giao dịch tín dụng giữa Ngân hàng với bà P là có thật. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà P đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng, chỉ thanh toán được 60.000.000 đồng nợ vốn và 49.594.885 đồng tiền lãi, còn nợ lại 300.000.000 đồng nợ vốn và tiền lãi tính đến ngày 14/9/2023 là 82.036.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù bà P đã được tổng

đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn cố tình vắng mặt không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp. Căn cứ vào khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự thì đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh sự phản đối đó. Nếu bà P không thừa nhận số nợ trên thì phải có nghĩa vụ chứng minh. Tuy nhiên, trong suốt quá trình tố tụng, bà P vẫn cố tình vắng mặt không có lý do chính đáng, không thể hiện ý chí phản đối chứng cứ và tài liệu mà Ngân hàng cung cấp thì phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Ngân hàng yêu cầu bà P phải trả số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng là có cơ sở, phù hợp với quy định của khoản 2 Điều 91, Điều 94, Điều 95, điểm a khoản 3 Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2017; Điều 7, Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về xử lý tài sản thế chấp: Để bảo đảm cho các hợp đồng tín dụng nêu trên, bà P đã thế chấp quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 642, tờ bản đồ số PDC2, diện tích 5.509m², đất trồng lúa, đất tại ấp G, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS02459 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 28/01/2021 cho bà Nguyễn Thị P. Việc thế chấp được thực hiện thông qua Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HĐTC50B202114 ký ngày 01/3/2021 (bao gồm cả hợp đồng tín dụng ngày 02/3/2021 và các hợp đồng tín dụng khác được xác lập từ thời điểm ký hợp đồng thế chấp đến ngày 31/12/2026). Hợp đồng thế chấp này được đăng ký thế chấp ngày 02/3/2021 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang theo quy định. Do đó, việc Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ trong trường hợp bà P không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khi đến hạn là phù hợp với thỏa thuận giữa hai bên tại Điều 5 Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất mà hai bên đã ký kết và phù hợp với quy định tại Điều 299, Điều 323 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên bà P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí bà P phải nộp được xác định:

$$382.036.000 \text{ đồng} \times 5\% = 19.101.800 \text{ đồng}$$

[5] Xét ý kiến và đề nghị của Viện Kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 235, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 91, Điều 94, Điều 95, điểm a khoản 3 Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2017; Điều 299, Điều 323 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 7, Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng B

Buộc bà Nguyễn Thị P có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng B số tiền vốn là 300.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số HDTD50B202120 ngày 01/3/2021, Hợp đồng tín dụng số HDTD50B2021130 ngày 29/9/2021, Hợp đồng tín dụng số HDTD50B202235 ngày 14/4/2022 (lãi tạm tính đến ngày 14/9/2023 là 82.036.000 đồng, thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 15/9/2023, bà P còn phải tiếp tục chịu các khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong 03 Hợp đồng tín dụng số HDTD50B202120, HDTD50B2021130, HDTD50B202235 cho đến khi thanh toán hoàn tất.

Trường hợp bà P không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng khi đến hạn thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ đối với quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 642, tờ bản đồ số PDC2, diện tích 5.509m², đất trồng lúa, đất tại ấp G, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS02459 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 28/01/2021 cho bà Nguyễn Thị P.

2. Án phí:

Bà Nguyễn Thị P có nghĩa vụ nộp 19.101.800 đồng (*Mười chín triệu, một trăm lẻ một nghìn, tám trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho Ngân hàng B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.790.800 đồng (*Tám triệu, bảy trăm chín mươi nghìn, tám trăm đồng*) theo biên lai thu số 0008567 ngày 22 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phú Đông;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú Đông;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thơm